

MARKET INSIGHTS REPORTS

28.10.2024

DÙ TÌM ĐƯỢC HỖ TRỢ VÀ TĂNG ĐIỂM
TRỞ LẠI NHỮNG INDEX CHƯA MANG TỚI
CẢM GIÁC TẠO SÓNG MỚI



NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Kiểm tra vùng hỗ trợ động MA(200)

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Nhìn lại kế hoạch ngân sách của Mỹ tới 2034 và chờ đợi những biện pháp cắt giảm chi tiêu mới

10 TTCK MỸ

Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	442
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	211
Số cổ phiếu giảm giá	162
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	69

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	220
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	80
Số cổ phiếu giảm giá	69
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	71

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	345
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	143
Số cổ phiếu giảm giá	96
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	106

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	30,501.03	41,926.80	(11,425.78)
% KL toàn thị trường	6.32%	8.69%	
Giá trị	962,780	1,419,913	(457,133)
% GT toàn thị trường	8.86%	13.07%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,019.78	9,226.97	(8,207.19)
% KL toàn thị trường	6.32%	8.69%	
Giá trị	26,229	142,836	(116,607)
% GT toàn thị trường	3.35%	18.24%	

UPCOM

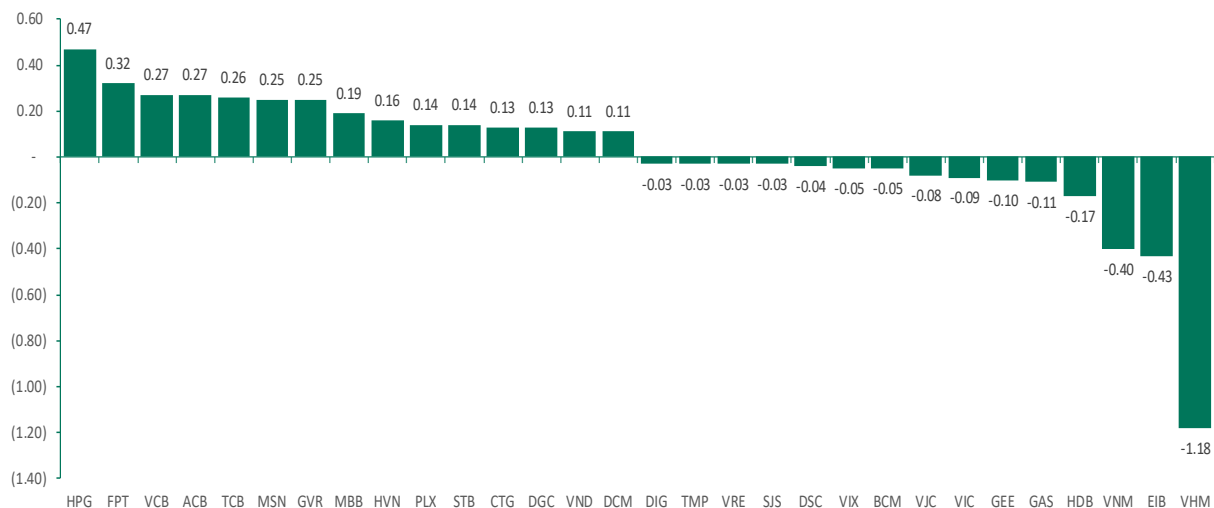
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	125.51	1,653.30	(1,527.79)
% KL toàn thị trường	0.41%	5.36%	
Giá trị	2,407	7,052	(4,644)
% GT toàn thị trường	0.35%	1.02%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,105,800	92,000	200 (0.22%)	15.16	2.83	6,067	514,196
2	BID	1,726,200	47,500	0 (0%)	11.25	2.01	4,223	270,771
3	FPT	1,506,000	134,900	900 (0.67%)	23.87	5.57	5,652	198,447
4	CTG	2,288,100	34,700	100 (0.29%)	8.73	1.37	3,977	186,339
5	VHM	19,543,500	42,700	-1,150 (-2.62%)	7.99	0.90	5,341	185,931
6	HPG	11,933,000	26,750	300 (1.13%)	14.03	1.57	1,906	171,100
7	TCB	7,020,100	23,650	150 (0.64%)	4.50	1.15	5,254	166,615
8	GAS	311,300	70,700	-200 (-0.28%)	14.19	2.29	4,981	165,627
9	VPB	11,242,600	20,100	0 (0%)	13.09	1.16	1,535	159,472
10	VIC	1,473,100	41,450	-100 (-0.24%)	43.40	0.98	955	158,491

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.26%	+35.26%	1,598
🏦 Tài chính	+0.25%	+19.51%	103
> Tổ chức tín dụng	+0.20%	+21.31%	29
> Dịch vụ tài chính	+0.55%	+7.98%	61
> Bảo hiểm	+0.64%	+12.60%	13
🏠 Bất động sản	-0.47%	-2.01%	142
🏭 Công nghiệp	-0.06%	+78.50%	390
> Vận tải	-0.40%	+106.93%	134
> Tư liệu sản xuất	+0.49%	+17.74%	212
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+1.66%	+185.39%	44
🛒 Tiêu dùng thiết yếu	+0.04%	+40.33%	162
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.03%	+40.32%	155
> Đồ gia dụng và cá nhân	+0.72%	+38.79%	6
> Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm	+11.67%	+608.08%	1
🧬 Nguyên vật liệu	+0.74%	+17.52%	257
🏠 Tiện ích	0%	+5.65%	148
🛒 Tiêu dùng không thiết yếu	+0.22%	+30.11%	263
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	+0.29%	+37.55%	126
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.10%	+21.40%	92
> Dịch vụ tiêu dùng	+1.46%	-20.18%	33
> Xe và linh kiện	-0.08%	-14.97%	12
📡 Viễn thông	+3.40%	+224.36%	49
> Viễn thông	+3.51%	+277.19%	22
> Truyền thông giải trí	+1.60%	-23.58%	27
💻 Công nghệ thông tin	+0.70%	+59.32%	14
> Phần mềm	+0.69%	+59.58%	7
> Phần cứng	+4.51%	+17.82%	5
> Bán dẫn	+3.74%	-10.13%	2
🏋️ Năng lượng	+0.10%	+29.95%	21
🏥 Chăm sóc sức khỏe	-0.22%	+22.73%	49
> Dược phẩm - sinh học	-0.21%	+24.30%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-0.37%	+2.11%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng tăng giảm 2.05 điểm (+ 0.16%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bán lẻ thực phẩm nhu yếu phẩm, phần cứng, bán dẫn, viễn thông, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, truyền thông giải trí, dịch vụ tiêu dùng, nguyên vật liệu, đồ gia dụng cá nhân, phần mềm, bảo hiểm, dịch vụ tài chính, tư liệu sản xuất, phân phối bán lẻ hàng lâu bền... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ HVA, POT, VBH, VGI, FOX, CTR, VEF, YEG, VNZ, NVT, OCH, HPG, GVR, DGC, BMP, HSG, DPM, LIX, NET, FPT, CMG, PVI, BMI, SSI, HCM, VND, CII, LCG, DPG, CTD, HHV, PNJ, DGW... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) YEG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp lại và giá cổ phiếu đi ngang quanh khu vực 9 – 10;
- ✓ YEG ghi nhận doanh thu thuần đạt 345 tỷ đồng, tăng 209% so với thực hiện của quý 3/2023. Lợi nhuận gộp từ đó tăng mạnh từ 22 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng – Tín hiệu tích cực từ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trong cơ cấu tài sản YEG vẫn có tới 69% là khoản phải thu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) HSG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ HSG vận động theo mô hình đáy vòng. Với mô hình này, điểm xác nhận xu hướng tăng giá mới sẽ là vùng kháng cự 22. Nhà đầu tư cần chú ý khả năng Break out tại đây;
- ✓ Bộ Công Thương gia hạn thêm 5 năm việc áp thuế chống bán phá giá tôn mạ màu nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc là tin tức tốt hỗ trợ cho ngành tôn mạ trong nước;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) HCM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi quanh khu vực 28 – Vùng đáy ngắn hạn trong tháng 9. Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(iv) CTD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Near Doji”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ Giá nằm dưới MA(200) và hiện tại MA(200) vẫn là kháng cự của cổ phiếu này. Một Break out sẽ mở ra triển vọng tăng giá trở lại;
- ✓ RSI(14) đang tạo mô hình Failure Swing – Tín hiệu thận trọng;
- ✓ Chúng tôi lưu ý gần đây các cổ phiếu nằm MA(200) khi tăng chạm tới kháng cự này hay có xu hướng điều chỉnh giảm và các cổ phiếu nằm trên khi giảm sẽ tăng ngược trở lại;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(2) Bất động sản, vận tải, chăm sóc sức khỏe, dược phẩm sinh học, hàng tiêu dùng và trang trí, xe và linh kiện... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VHM, VIC, BCM, VRE, ACV, VJC, VTP, GMD, BBT, IMP, OPC, DHT, GEE, GIL, RAL, PAC, TMT... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vẫn đi ngang quanh vùng giá 40 – 44;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(ii) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sau khi hình thành phân kỳ âm giữa giá và RSI(14) thì VHM đã điều chỉnh giảm;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại quanh vùng giá 41 – Quanh MA(200);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iii) ACV giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu cảnh báo giảm giá ngắn hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(iv) VJC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra và giá bám biên dải băng dưới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Tuy nhiên về cơ bản VJC đi ngang quanh vùng giá 100 – 110;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá cổ sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 666 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, EIB, STB, MWG, TCB, VPB, BMP, PDR, CTD, VHM... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MSN, SHS, WSB, HPG, DXG, VNM, KBC, BID, HDB, VCI...

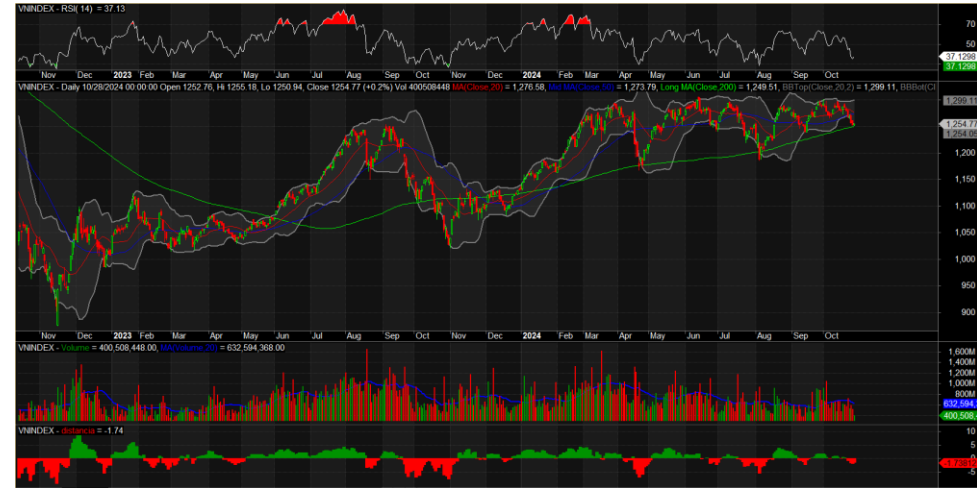
(ii) VN-Index chạm hỗ trợ động MA(200). Trong hai lần gần nhất rơi về vùng hỗ trợ này VN-Index đều phục hồi khá nhanh. Do vậy, kỳ vọng VN-Index tăng điểm trở lại cũng là khả năng có xác suất cao lúc này. Trong cả hai lần trước VN-Index đều mất 4 phiên tích lũy quanh khu vực này và bật tăng trở lại.

(iii) Về dòng tiền, chúng ta vẫn thấy nhóm có khả năng dẫn dắt như thép (HSG...), bất động sản (DXG...), xây dựng (CTD, DPG..) và nhóm Vietel (Vôn tạo sóng to và ít chịu ảnh hưởng lớn của biến động thị trường như VGI, CTR, VTP...). Như vậy, về cơ bản chúng ta vẫn giao dịch tốt tuy nhiên thanh khoản vẫn là điểm cần lưu ý. Tất nhiên, khi thanh khoản xuống mức thấp cũng là thời điểm thị trường hay tạo đáy. Như chúng tôi chia sẻ, chúng tôi không quá lo lắng nếu về việc VN-Index giảm giá lúc này mà chỉ lo ngại kịch bản đi ngang kéo dài. Do vậy, bất kỳ một sự chuyển biến tích cực nào chẳng hạn áp lực bán giảm bớt vào lúc 2h20 trong 3 phiên liên tiếp cũng hay thanh khoản tăng lên theo chiều tăng đều là tín hiệu ban đầu cho sự thay đổi xu hướng này.

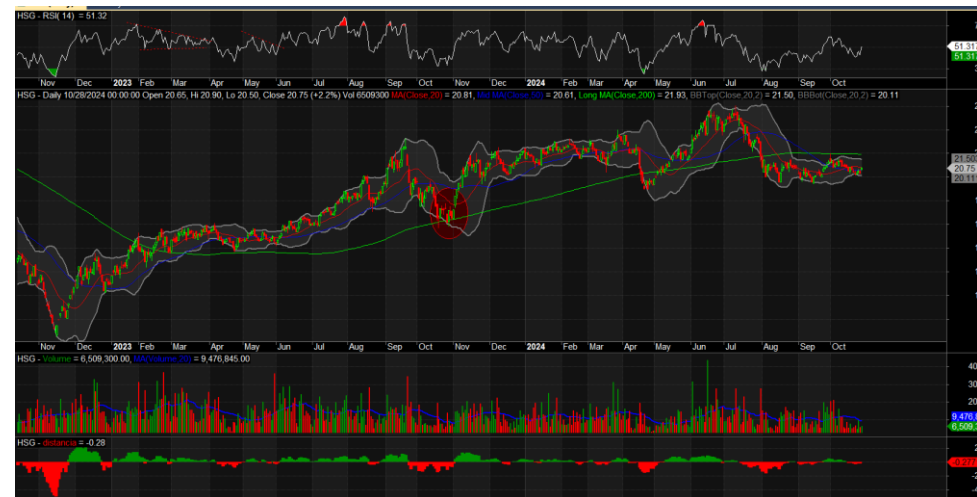
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 26 mã cho tín hiệu đi ngang. VCB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 52% và 36.36 giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ là 1,255 điểm và kháng cự là 1,315 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu HSG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	480.65	479.53	481.78	NO	486.51	490.11	495.97	499.57	477.05	471.19	467.59	461.73
HNXINDEX	224.18	223.97	224.38	YES	225.62	226.66	228.1	229.14	223.14	221.7	220.66	219.22
UPINDEX	91.99	91.96	92.02	YES	92.16	92.27	92.44	92.55	91.88	91.71	91.6	91.43
VN30	1326.62	1325.77	1327.48	YES	1330.28	1332.22	1335.88	1337.82	1324.68	1321.02	1319.08	1315.42
VNINDEX	1253.63	1253.06	1254.2	YES	1256.32	1257.87	1260.56	1262.11	1252.08	1249.39	1247.84	1245.15
VNXALL	2078.62	2078.62	2078.62	YES	2078.62	2078.62	2078.62	2078.62	2078.62	2078.62	2078.62	2078.62
VN30F1M	1330.53	1329.8	1331.27	YES	1333.87	1335.73	1339.07	1340.93	1328.67	1325.33	1323.47	1320.13
VN30F1Q	1331.87	1331.15	1332.58	YES	1335.13	1336.97	1340.23	1342.07	1330.03	1326.77	1324.93	1321.67
VN30F2M	1332.3	1331.55	1333.05	YES	1335.5	1337.2	1340.4	1342.1	1330.6	1327.4	1325.7	1322.5
VN30F2Q	1332.53	1332.2	1332.87	YES	1336.17	1339.13	1342.77	1345.73	1329.57	1325.93	1322.97	1319.33
BCM	65.43	65.45	65.42	YES	65.67	65.93	66.17	66.43	65.17	64.93	64.67	64.43
ACB	25.02	24.95	25.08	NO	25.28	25.42	25.68	25.82	24.88	24.62	24.48	24.22
BID	47.52	47.53	47.51	YES	47.73	47.97	48.18	48.42	47.28	47.07	46.83	46.62
BVH	43.18	43.17	43.19	YES	43.37	43.53	43.72	43.88	43.02	42.83	42.67	42.48
CTG	34.68	34.67	34.69	YES	34.82	34.93	35.07	35.18	34.57	34.43	34.32	34.18
FPT	134.5	134.3	134.7	NO	135.4	135.9	136.8	137.3	134	133.1	132.6	131.7
GAS	70.8	70.85	70.75	YES	70.9	71.1	71.2	71.4	70.6	70.5	70.3	70.2
GVR	32.43	32.4	32.47	NO	32.77	33.03	33.37	33.63	32.17	31.83	31.57	31.23
HDB	26.68	26.7	26.67	YES	26.87	27.08	27.27	27.48	26.47	26.28	26.07	25.88
HPG	26.73	26.73	26.74	YES	26.97	27.18	27.42	27.63	26.52	26.28	26.07	25.83
MBB	24.77	24.75	24.78	YES	24.88	24.97	25.08	25.17	24.68	24.57	24.48	24.37
MSN	77.37	77.1	77.63	NO	78.43	78.97	80.03	80.57	76.83	75.77	75.23	74.17
MWG	65.33	65.25	65.42	NO	65.77	66.03	66.47	66.73	65.07	64.63	64.37	63.93
PLX	41.58	41.38	41.79	NO	42.42	42.83	43.67	44.08	41.17	40.33	39.92	39.08
POW	11.93	11.93	11.94	YES	12.02	12.08	12.17	12.23	11.87	11.78	11.72	11.63
SAB	55.47	55.45	55.48	YES	55.63	55.77	55.93	56.07	55.33	55.17	55.03	54.87
SSB	16.57	16.52	16.61	NO	16.73	16.82	16.98	17.07	16.48	16.32	16.23	16.07
SHB	10.45	10.45	10.45	YES	10.5	10.55	10.6	10.65	10.4	10.35	10.3	10.25
SSI	26.82	26.83	26.81	YES	26.98	27.17	27.33	27.52	26.63	26.47	26.28	26.12
TCB	23.6	23.58	23.63	NO	23.75	23.85	24	24.1	23.5	23.35	23.25	23.1
STB	33.72	33.7	33.73	YES	34.13	34.52	34.93	35.32	33.33	32.92	32.53	32.12
TPB	17.15	17.13	17.17	NO	17.25	17.3	17.4	17.45	17.1	17	16.95	16.85
VHM	43.15	43.38	42.92	NO	43.8	44.9	45.55	46.65	42.05	41.4	40.3	39.65
VCB	91.93	91.9	91.97	YES	92.37	92.73	93.17	93.53	91.57	91.13	90.77	90.33
VIB	18.32	18.35	18.28	NO	18.43	18.62	18.73	18.92	18.13	18.02	17.83	17.72
VJC	103.57	103.55	103.58	YES	104.23	104.87	105.53	106.17	102.93	102.27	101.63	100.97
VIC	41.55	41.6	41.5	NO	41.65	41.85	41.95	42.15	41.35	41.25	41.05	40.95
VPB	20.03	20	20.07	NO	20.17	20.23	20.37	20.43	19.97	19.83	19.77	19.63
VRE	18.15	18.17	18.13	NO	18.2	18.3	18.35	18.45	18.05	18	17.9	17.85
VNM	67.3	67.35	67.25	YES	67.9	68.6	69.2	69.9	66.6	66	65.3	64.7

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VGI	2,425,800	873,680	278	3.92
NRC	2,093,300	857,040	244	5.26
PGN	1,000,900	122,500	817	8.96
VLB	878,200	48,230	1820.86	3.77
KHP	627,000	237,330	264	6.03
OGC	575,700	193,360	298	6.9
VC2	566,400	261,270	216.79	4.65
DOC	488,900	190	257,316	0
ITQ	454,300	77,890	583	7.69
FUEKIVFS	404,700	27,430	1475.39	-0.94
BMI	301,000	38,450	783	4.5
VE9	135,800	46,610	291	-4.55
TDH	133,400	57,120	234	1.59
SRT	108,100	45,760	236	-7.63
TV3	88,600	1,860	4763.44	0.84
VRC	75,800	9,300	815	6.96
PVM	68,600	19,750	347	0.63
LBM	66,200	11,990	552	0.74
ILA	61,100	25,990	235	-2.44
APP	61,100	27,880	219.15	12.86
UDC	51,600	10,110	510	5.41
TV1	49,400	8,200	602	0
SDT	49,000	19,840	247	-2.38
VE1	47,900	12,770	375	6.06
PNC	47,800	5,140	929.96	6.8
HMC	47,100	18,660	252	0
MML	45,100	9,660	467	2.69
LIC	44,400	17,040	261	13.86
CHP	44,100	17,530	252	-0.15
PGV	43,800	8,650	506	0.49
GEE	43,300	15,310	283	-4.18
SD5	43,000	11,560	372	0
TDT	39,200	19,550	201	1.49
TV4	38,400	4,840	793	0
APF	33,100	10,550	314	-2.12
DNW	30,900	5,880	526	3.94
NSC	29,500	3,230	913	1.9
LAF	29,200	13,110	223	0.86
FOC	27,800	10,100	275	0.12
ONE	27,300	4,350	628	0

- Lưu ý: VGI...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
12-Oct	HAH	Mua	≤ 45	10% -20%	Giá nằm trên MA(20), MA(20) cắt lên MA(50)
12-Oct	ACV	Mua	≤ 115	10% -20%	Mô hình hai đáy, Bullish Falling Wedge

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 21/10 - 25/10, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh tăng ở hầu hết các phiên, chỉ giảm nhẹ phiên cuối tuần. Chốt ngày 25/10, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.255 VND/USD, tăng 42 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD ở tất cả các phiên. Tỷ giá bán giao ngay 3 phiên đầu tuần được niêm yết ở mức thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá, 2 phiên cuối tuần niêm yết chốt ở mức 25.450 VND/USD. Tỷ giá LNH trong tuần từ 21/10 - 25/10 tăng mạnh ở 3 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại sau đó. Kết thúc phiên 25/10, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.376, tăng 216 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do cũng tăng mạnh tuần qua. Chốt phiên 25/10, tỷ giá tự do tăng 440 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.700 VND/USD và 25.800 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 21/10 - 25/10, lãi suất VND LNH tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống. Chốt ngày 25/10, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 3,92% (+1,19 đpt); 1W 4,03% (+1,07 đpt); 2W 4,22% (+0,98 đpt); 1M 4,30% (+0,63 đpt). Lãi suất USD LNH trong tuần vẫn ít biến động ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 25/10, lãi suất USD LNH đóng cửa không thay đổi so với phiên cuối tuần trước đó ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 4,83%; 1W 4,88%; 2W 4,92% và 1M 4,94%.
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 21/10 - 25/10, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 17.000 tỷ đồng, lãi suất giữ nguyên ở mức 4,0%. Có 13.014,57 tỷ đồng trúng thầu, không có khối lượng đảo hạn trong tuần qua. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Kỳ hạn 14 ngày có 13.400 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất biến động từ 3,74% xuống 3,6%, phiên cuối tuần ở mức 3,7%; kỳ hạn 28 ngày có 41.250 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 4 phiên đầu tuần ở mức 4,0%, phiên cuối tuần giảm xuống mức 3,99%. Như vậy, NHNN hút ròng 41.635,43 tỷ đồng từ thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở. Có 13.014,57 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố, có 66.950 tỷ đồng tín phiếu NHNN lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



Nhìn lại kế hoạch ngân sách của Mỹ tới 2034 và chờ đợi những biện pháp cắt giảm chi tiêu mới

Tỷ phú Elon Musk cam kết sẽ giúp Mỹ cắt giảm hàng nghìn tỷ USD chi tiêu ngân sách nếu ứng viên đảng Cộng hòa Donald Trump đắc cử năm nay. Cả ông Trump và ông Musk đều chưa nêu cụ thể DOGE dự kiến sẽ hoạt động như thế nào, hoặc sẽ cắt giảm khoản ngân sách nào. Trước đó, ông Musk từng cảnh báo về tình trạng nợ của Mỹ, cho rằng quốc gia này có nguy cơ bị phá sản nếu không tìm chế việc chi tiêu.

The Budget Outlook, by Fiscal Year

	Percentage of GDP					Billions of dollars			
	Average, 1974–2023	Actual, 2023	2024	2025	2034	Actual, 2023	2024	2025	2034
Revenues	17.3	16.5	17.5	17.1	17.9	4,439	4,935	4,996	7,474
Individual income taxes	8.0	8.1	8.8	8.6	9.5	2,176	2,469	2,520	3,973
Payroll taxes	6.0	6.0	5.9	5.9	5.9	1,614	1,663	1,734	2,466
Corporate income taxes	1.8	1.6	2.0	1.7	1.3	420	569	494	551
Other	1.5	0.8	0.8	0.8	1.2	229	234	247	485
Outlays	21.0	22.7	23.1	23.1	24.1	6,123	6,517	6,768	10,032
Mandatory	11.0	13.9	13.9	13.9	15.1	3,742	3,908	4,061	6,298
Social Security	4.4	5.0	5.2	5.3	5.9	1,348	1,453	1,545	2,471
Major health care programs	3.4	5.8	5.6	5.5	6.7	1,556	1,574	1,619	2,781
Medicare	2.1	3.1	3.2	3.2	4.2	832	896	940	1,740
Medicaid, CHIP, and marketplace subsidies	1.3	2.7	2.4	2.3	2.5	724	678	679	1,042
Other mandatory	3.2	3.1	3.1	3.1	2.5	838	881	897	1,046
Discretionary	8.0	6.4	6.2	6.0	5.1	1,722	1,739	1,756	2,106
Defense	4.2	3.0	2.9	2.9	2.5	805	822	845	1,034
Nondefense	3.7	3.4	3.3	3.1	2.6	917	917	911	1,071
Net interest	2.1	2.4	3.1	3.2	3.9	659	870	951	1,628
Total deficit (-)	-3.7	-6.2	-5.6	-6.1	-6.1	-1,684	-1,582	-1,772	-2,557
Primary deficit (-)	-1.6	-3.8	-2.5	-2.8	-2.2	-1,025	-712	-821	-929
Debt held by the public at the end of each period	48.3	97.3	99.0	101.7	116.0	26,240	27,897	29,749	48,300

CBO's Baseline Projections of Mandatory Outlays, Adjusted to Exclude Effects of Timing Shifts

Billions of dollars

	Actual, 2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	Total		
													2025–2029	2025–2034	
Offsetting receipts															
Medicare	-177	-185	-210	-221	-239	-258	-278	-302	-327	-354	-386	-414	-1,207	-2,990	
Federal share of federal employees' retirement															
Civil service retirement and other	-55	-59	-62	-65	-67	-69	-71	-74	-76	-78	-80	-83	-334	-725	
Military retirement	-27	-24	-22	-23	-23	-24	-25	-26	-27	-27	-28	-28	-116	-249	
Social Security	-22	-23	-23	-24	-25	-26	-27	-27	-28	-29	-30	-31	-125	-271	
Subtotal	-104	-106	-107	-111	-115	-119	-123	-126	-130	-134	-138	-142	-576	-1,245	
Receipts related to natural resources	-20	-20	-20	-19	-19	-19	-19	-20	-20	-20	-20	-20	-97	-197	
MERHCF	-10	-11	-11	-12	-13	-13	-14	-15	-15	-16	-17	-18	-64	-144	
Fannie Mae and Freddie Mac ¹	-6	-6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Other	-27	-30	-33	-34	-36	-37	-35	-41	-42	-29	-29	-29	-175	-346	
Total	-345	-358	-382	-397	-422	-447	-469	-504	-535	-553	-590	-623	-2,117	-4,921	
Mandatory outlays, including offsetting receipts	3,747	4,191	4,127	4,285	4,484	4,648	4,969	5,195	5,455	5,742	6,034	6,336	22,513	51,276	
Effects that timing shifts have on mandatory outlays in CBO's baseline projections															
Medicare	7	-45	0	0	0	78	-78	0	0	0	117	9	n.a.	n.a.	
Supplemental Security Income	*	-5	0	0	0	6	-6	0	0	0	6	*	n.a.	n.a.	
Military retirement	1	-6	0	0	0	7	-7	0	0	0	7	1	n.a.	n.a.	
Veterans' income security	3	-13	0	0	0	19	-19	0	0	0	23	4	n.a.	n.a.	
Veterans' other	*	-1	0	0	0	1	-1	0	0	0	1	*	n.a.	n.a.	
Total	11	-70	0	0	0	111	-111	0	0	0	155	15	n.a.	n.a.	
Mandatory outlays in CBO's baseline projections	3,758	4,121	4,127	4,285	4,484	4,758	4,858	5,195	5,455	5,742	6,189	6,351	22,513	51,446	
Addendum:															
Outlays, net of offsetting receipts															
Medicare	832	903	935	998	1,067	1,137	1,214	1,298	1,390	1,488	1,611	1,735	5,351	12,873	
Major health care programs	1,556	1,654	1,690	1,747	1,847	1,959	2,077	2,203	2,340	2,486	2,659	2,821	9,319	21,829	



Game Stop xuất hiện Break out – Vòng quay rủi ro tiếp tục



Meta đã tăng giá gần 5 lần kể từ khi Jim Cramer khuyến nghị bán



Disney đang vận động quanh đường hỗ trợ tăng giá dài hạn



Nasdaq vẫn sẽ tiếp tục tăng giá ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

